

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

**VIỆN CÔNG NGHỆ
CÔNG TY TNHH MTV CK MÊ LINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01-2026/DKMT
V/v đăng ký môi trường cho dự án đầu tư,
cơ sở

Hà Nội, ngày tháng 09 năm 2026

**Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp
thành phố Hà Nội**

Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh ("**Công ty**") là chủ đầu tư của dự án "Dự án di dời và đầu tư mới cơ sở II Viện Công nghệ tại khu công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội" thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500217212
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Giáp – Giám đốc công ty
- Điện thoại: 024.38134268

Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh đăng ký môi trường cho dự án "**Dự án di dời và đầu tư mới cơ sở II Viện Công nghệ tại khu công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội**" với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở:

- Tên dự án đầu tư, cơ sở: "**Dự án di dời và đầu tư mới cơ sở II Viện Công nghệ tại khu công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội**"
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở: Lô 27B, khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Lô đất có diện tích 14.350 m² được Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh thuê theo Hợp đồng thuê đất số 1017/HĐ-TĐ ngày 21/08/2007 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc, có thời hạn đến năm 2052.

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

Phía trước tiếp giáp với đường khu công nghiệp.

Phía sau tiếp giáp với Công ty TNHH Tràng An.

Bên trái tiếp giáp với Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phương Linh.

Bên phải tiếp giáp với Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương II.

- Nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư: Vốn tự có của chủ đầu tư.
- Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: dự án đã đi vào hoạt động.
- Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở:
 - + Quy mô, công suất: Sản xuất chế tạo cơ khí công suất:
 - Xưởng đúc: 900 tấn sản phẩm/năm đến 1.500 tấn sản phẩm/năm;
 - Xưởng nhiệt luyện: 600 -800 tấn sản phẩm/năm;
 - Xưởng cơ khí và tự động hóa: 240 tấn sản phẩm/năm.
 - + Công nghệ: Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam, Đức.
 - + Loại hình dự án: 100% vốn đầu tư trong nước.

2. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của dự án đầu tư, cơ sở:

a. Nguyên liệu, hóa chất phục vụ hoạt động sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở.

Bảng 1: Danh mục nguyên vật liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất đúc

STT	Tên nguyên liệu	Nguồn gốc
1.	Thép phế liệu	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
2.	Gang hồi liệu	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
3.	Gang thổi	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
4.	Gang thổi Cao Bằng	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
5.	Thép phế liệu hợp kim	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
6.	Hồi liệu thép hợp kim	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
7.	Kim loại phế liệu	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
8.	Nhôm	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
9.	Chất tăng cường Carbon	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Trung Quốc
10.	FeSi72	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Trung Quốc
11.	FeMn75	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Ấn Độ
12.	FeMn75 C thấp	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
13.	Ferro kim các bon thấp	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
14.	Chất cầu hoá	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Thái Lan, Ấn Độ
15.	Đồng	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

16.	Cát đúc thạch anh	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
17.	Nhựa furan	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Đài Loan, Hàn Quốc
18.	Chất đóng cứng	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Đài Loan, Hàn Quốc
19.	Mẫu gỗ	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
20.	Chất sơn khuôn	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Đài Loan
21.	Cồn công nghiệp	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
22.	Bột đầm lò	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
23.	Gom xi	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Trung Quốc, Nhật Bản
24.	Đá mài	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
25.	Đá cắt	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
26.	Bi thép	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Thái Lan

Bảng 2: Danh mục nguyên vật liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất nhiệt luyện

STT	Tên nguyên liệu	Nguồn gốc
1.	Phôi thép, chi tiết cơ khí cần xử lý nhiệt	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản
2.	Dầu tôi	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
3.	Nitơ	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
4.	Argon	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
5.	Dầu bôi trơn	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
6.	Oxit nhôm Al ₂ O ₃	Mua tại Việt Nam, xuất xứ Trung Quốc, Thái Lan
7.	Dầu mỡ chịu nhiệt, dầu chân không, dầu thủy lực, dầu chống rỉ	Mua tại Việt Nam, xuất xứ Đức, Pháp, Trung Quốc
8.	Dây/thanh điện trở gia nhiệt	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam

Bảng 3: Danh mục nguyên vật liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất cơ khí

STT	Tên nguyên liệu	Nguồn gốc
1	Sắt thép các loại (thép cacbon, thép hợp kim).	Mua tại Việt Nam, xuất xứ Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đức
2	Khí công nghiệp - khí Ni tơ.	Mua tại Việt Nam, xuất xứ Việt Nam
3	Dầu cắt gọt, Dầu đường trượt, Dung dịch làm mát, Mỡ ổ trục...	Mua tại Việt Nam, xuất xứ Việt Nam, Hàn Quốc, Đức, Nhật

b. Nhiên liệu sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất

- Nhu cầu sử dụng điện: khoảng 3.200.000 KW/năm dùng cho sản xuất và sinh hoạt.

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

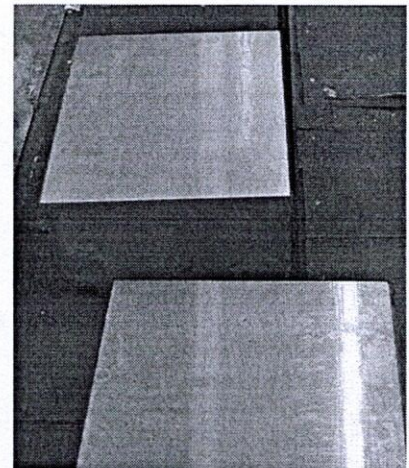
Nguồn điện được cấp bởi Công ty cổ phần điện lực Miền Bắc.

- Nhu cầu nước: trung bình 450 m³/tháng dùng cho sinh hoạt (nhà tắm, nhà vệ sinh), cấp nước làm mát cho lò nấu luyện phục vụ hoạt động đúc và nước làm mát cho các bể tôi phục vụ hoạt động nhiệt luyện. Nguồn nước được cung cấp bởi nguồn nước sạch của Công ty TNHH MTV phát triển đô thị & khu công nghiệp IDICO

c. Các sản phẩm của dự án

Các sản phẩm của dự án bao gồm sản phẩm đúc, sản phẩm nhiệt luyện và sản phẩm cơ khí. Công đoạn đúc, công đoạn nhiệt luyện và công đoạn gia công cơ khí bằng máy CNC là ba công đoạn tương đối độc lập.

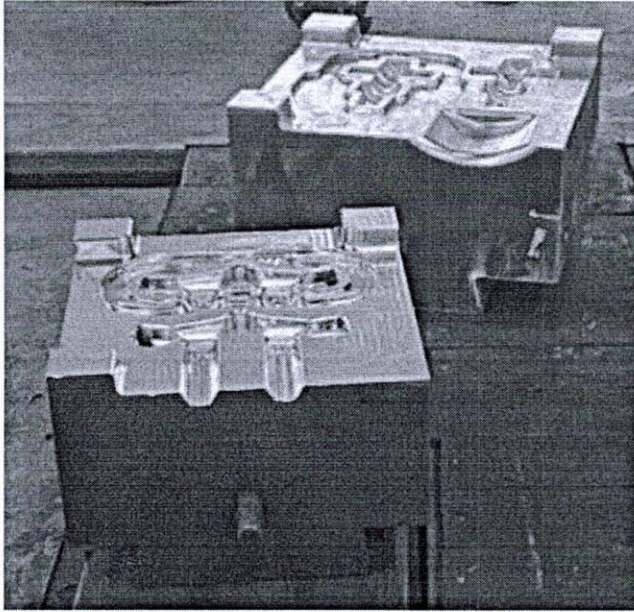
- Đối với công đoạn đúc, sản phẩm đúc có thể có nhiều hình dạng tùy theo yêu cầu của khách hàng, ví dụ như sau:



- Đối với công đoạn luyện nhiệt, tùy theo yêu cầu của khách hàng, phôi sau khi được đúc ra sau công đoạn đúc có thể được đưa vào lò nhiệt luyện nhằm đạt được các thông số kỹ thuật và tính chất, độ cứng nhất định, sau quá trình luyện nhiệt, sản phẩm không thay đổi hình dạng mà chỉ thay đổi tính chất và đặc tính kỹ thuật.

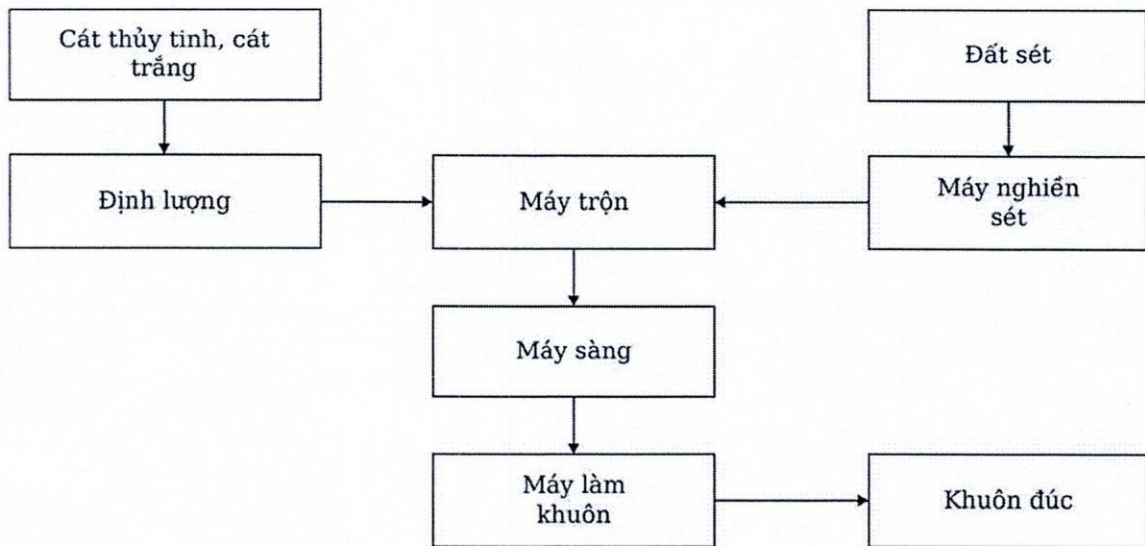
- Đối với công đoạn gia công cơ khí, tùy theo yêu cầu của khách hàng, phôi có thể được gia công CNC để cắt gọt theo hình dáng hoặc bản vẽ khách hàng yêu cầu. Hình minh họa sản phẩm sau khi trải qua công đoạn gia công cơ khí như sau:

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

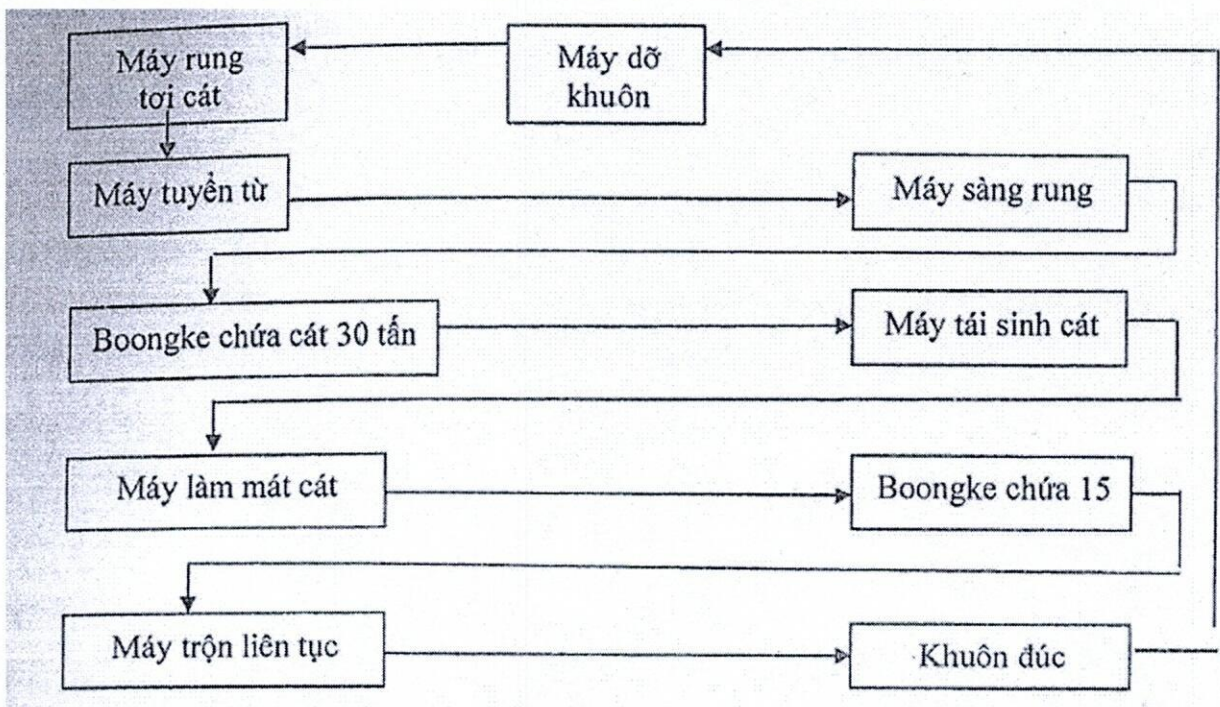


Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

- Quy trình sản xuất khuôn đúc bằng cát tươi như sau:

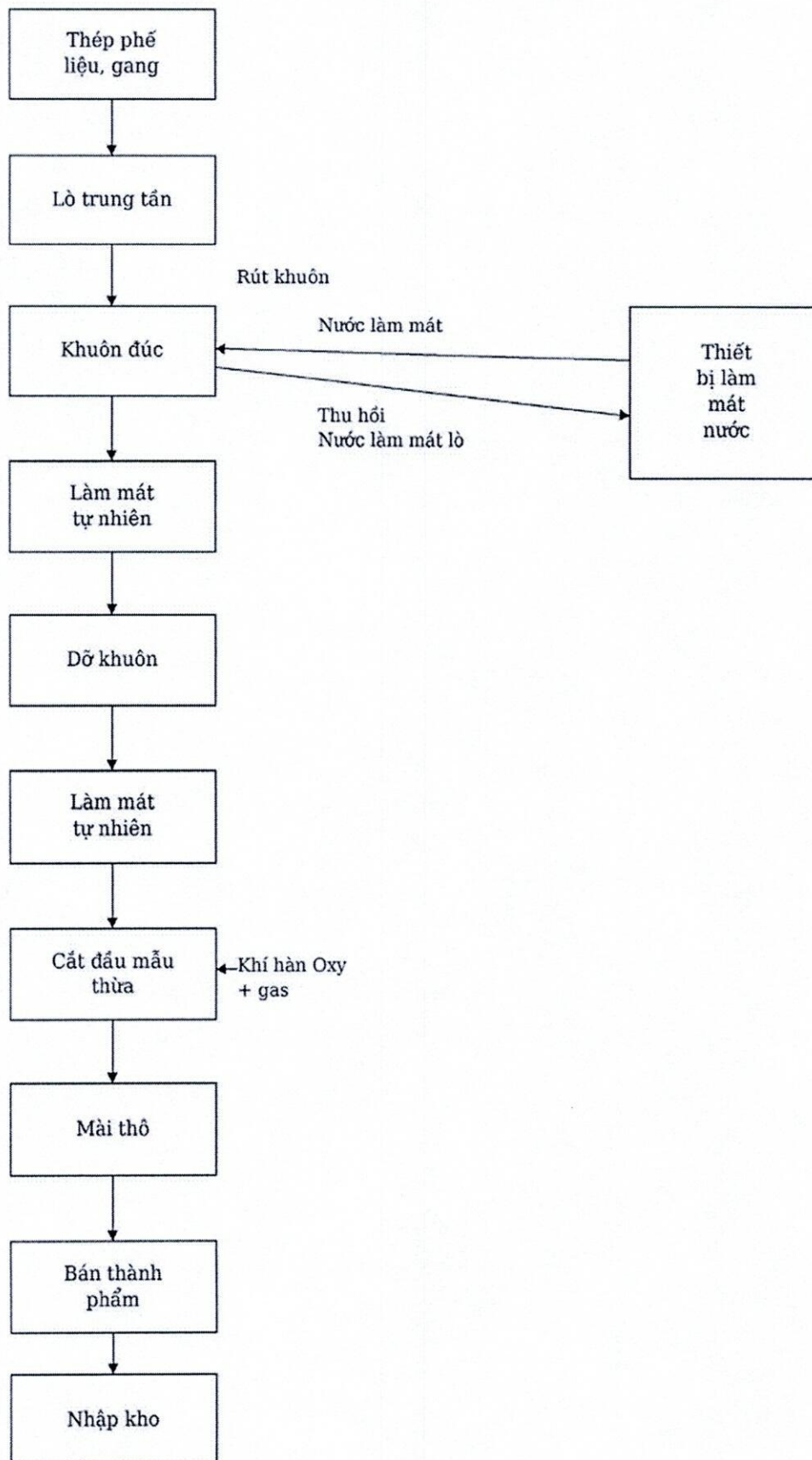


- Quy trình sản xuất khuôn đúc bằng công nghệ Furan như sau:



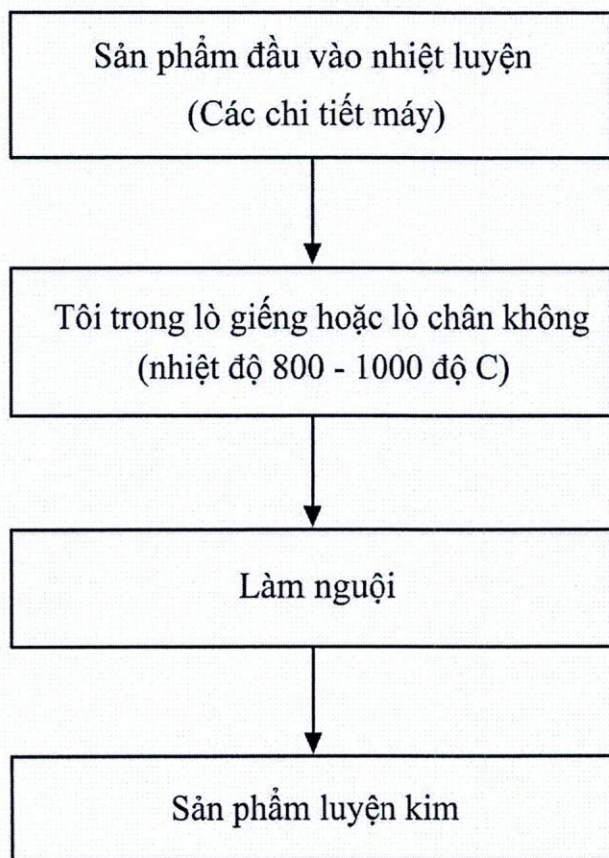
Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

- Quy trình sản xuất các sản phẩm đúc như sau:

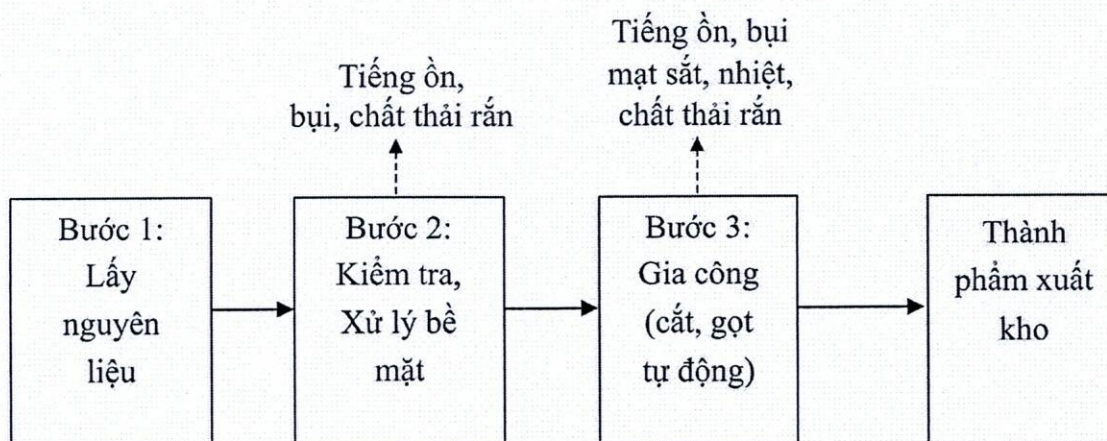


- Quy trình nhiệt luyện như sau:

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở



- Quy trình sản xuất cơ khí như sau:



Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở**d. Danh sách máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất****Bảng 4: Danh sách máy móc, thiết bị của cơ sở**

STT	Tên gọi	Số lượng	Nơi sản xuất
1.	Lò nấu luyện TQ 500 kg	01	Trung Quốc
2.	Lò nấu luyện TQ 750 kg	01	Trung Quốc
3.	Lò nấu luyện TQ 1000 kg	01	Trung Quốc
4.	Dây chuyền bán tự động công nghệ cát furan 6 tấn/giờ	01	Đài Loan
5.	Dây chuyền tái sinh cát đúc khuôn tươi công suất xử lý 1.000 tấn/năm	01	Đài Loan
6.	Quạt mát dàn nước	01	Trung Quốc
7.	Máy bơm nước làm mát	01	Trung Quốc
8.	Máy bơm nước vào lò. Tủ điện	01	Trung Quốc
9.	Máy trộn khuôn tươi	01	Trung Quốc
10.	Máy phun bi	01	Trung Quốc
11.	Mẫu tự tiêu	01	Trung Quốc
12.	Thiết bị làm mát	01	Trung Quốc
13.	Máy phun bi treo làm sạch	01	Trung Quốc
14.	Máy nén khí	01	Đức
15.	Lò chân không IPSEN, công suất 150kw, đã sử dụng, mới	02	Đức
16.	Lò ram điện trở kiểu lò buồng, công suất 50kw, đã sử dụng	01	Việt Nam
17.	Lò ram điện trở kiểu lò buồng công suất 75kw, đã sử dụng	01	Việt Nam
18.	Lò ram điện trở kiểu lò giếng công suất 30kw, đã sử dụng	02	Việt Nam
19.	Lò thẩm ni tơ kiểu lò giếng công suất 50kw, đã sử dụng	02	Việt Nam
20.	Lò thẩm ni tơ kiểu lò giếng công suất 90kw, đã sử dụng	01	Việt Nam
21.	Lò buồng điện trở đáy di động công suất 150kw, đã sử dụng	01	Việt Nam
22.	Máy đo độ cứng Rockwell kiểu để bàn	01	Đài Loan
23.	Máy đo độ cứng Rockwell kiểu để bàn	01	Trung Quốc
24.	Máy đo độ cứng di động	01	Đức
25.	Máy đo độ cứng di động	01	Trung Quốc
26.	Hệ thống bình tích áp chứa khí N ₂	01	Việt Nam, Trung Quốc
27.	Máy tạo độ nhám bề mặt	01	Việt Nam
28.	Máy phay trung tâm gia công CNC 3 trục, Model: HPM 600HD	01	Thụy sĩ
29.	Trung tâm gia công 3 trục DMC-1150V	01	Đức
30.	Trung tâm gia công đứng HCMC-1370	01	Đài Loan
31.	Máy phay trung tâm gia công CNC, ký hiệu MVP - 10	01	Đài Loan
32.	Máy nén khí 55 Kw, Model: OSP -	01	Nhật Bản

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

	55S5AN		
33.	Máy tiện CNC, ký hiệu FBL-200	01	Đài Loan
34.	Máy taoro ren 940	01	Trung Quốc
35.	Máy mài phẳng (PSG - C50100 AHR)	01	Đài Loan
36.	Máy mài tròn ngoài NC (GU 32x100NC)	01	Đài Loan
37.	Máy hàn TIG DC, Model: TSP-300	01	Nhật Bản
38.	Xe nâng Mitsubishi FD 25 HS	01	Nhật Bản
39.	Máy khoan cần TPR-C1600	01	Đài Loan
40.	Trung tâm gia công đứng 3 trục LG1000	01	Đài Loan
41.	Máy cắt dây V65	01	Đài Loan

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư, cơ sở:

a. Loại nước thải (sinh hoạt, công nghiệp), khối lượng nước thải từng loại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh và quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng.

Nước thải của dự án phát sinh từ 2 nguồn: Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn và nước thải công nghiệp (nước làm mát).

★ Nước thải sinh hoạt:

- Với số lượng cán bộ, công nhân viên làm việc tại Dự án khoảng 155 người. Trung bình mỗi người sử dụng 100 lít nước/ngày. Tổng cộng khoảng 15,5 m³/ngày.
- Lượng nước thải sinh hoạt: được tính bằng 80% lượng nước cấp. Do đó, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là khoảng 12,4 m³/ngày.
- Nước thải sinh hoạt của dự án phát sinh chủ yếu từ khu vực nhà vệ sinh, nước thoát sàn,... có chứa hàm lượng cao các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng, chất dinh dưỡng và vi trùng. Nước thải sinh hoạt mang theo 1 lượng lớn chất hữu cơ, nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅) thường dao động trong khoảng từ 562.5mg/l – 675mg/l. Nước thải sinh hoạt còn kéo theo một lượng lớn các loại vi khuẩn (E. Coli, Virus các loại, trứng giun sán) sẽ là nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận nước thải. Ngoài ra nước thải còn chứa một loạt các chất dinh dưỡng khác như NH₄⁺, PO₄³⁻.

Dự án có Bể tự hoại nhằm giảm thiểu các chất gây ô nhiễm loại này. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại sẽ thoát vào hệ thống nước thải chung của KCN đảm bảo đạt tiêu chuẩn cho phép của KCN Quang Minh.

★ Nước mưa chảy tràn:

Lượng nước mưa chảy tràn qua dự án trong giai đoạn hoạt động khoảng 0.09m³/s trong trường hợp mưa lớn với cường độ 200 mm/giờ liên tục trong 2 giờ. Thông thường nước mưa

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

chảy tràn sẽ kéo theo các chất ô nhiễm trên mặt đất. Tính chất ô nhiễm trong trường hợp này là bị ô nhiễm cơ học (đất, cát, rác), ô nhiễm hữu cơ, ô nhiễm chất dinh dưỡng, ô nhiễm dầu mỡ,... Theo số liệu thống kê của Tổ chức y tế thế giới (WHO) thì nồng độ các chất ô nhiễm nước mưa chảy tràn thông thường khoảng 0.5-1.5 mgN/L; 0.004-0.03mgP/L; 10-20mg COD/L và 10-20mgTSS/L. Nếu so sánh các số liệu này với quy chuẩn nước mặt (QCVN 08:2023/BTNMT) thì nước mưa chảy tràn tương đối sạch.

★ Nước thải công nghiệp: Dự án không phát sinh nước thải công nghiệp. Dự án chỉ sử dụng nước để làm mát lò trung tần và để làm nguội nhanh (tôi) trong công đoạn nhiệt luyện bằng lò giềng. Lượng nước này được luân chuyển bằng phương pháp tuần hoàn, không thải ra môi trường mà chỉ bay hơi tự nhiên, lượng nước thiếu hụt sẽ được bổ sung.

b. Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh và quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng.

- Từ hoạt động sản xuất: Hoạt động của công đoạn đúc, nhiệt luyện và gia công cơ khí (không sử dụng nhiên liệu hóa thạch) là nguồn phát sinh bụi và khí thải, cụ thể như sau:

Bảng 5. Các công đoạn phát sinh bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất

STT	Công đoạn sản xuất	Loại bụi và khí thải phát sinh
1.	Công đoạn đúc (lò nấu trung tần)	Bụi cát, hơi axit, bức xạ nhiệt
2.	Công đoạn nhiệt luyện (lò nhiệt luyện)	Hơi kim loại, bức xạ nhiệt
3.	Công đoạn gia công cơ khí	Bụi kim loại

- Từ hoạt động của quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm (Khí thải của các phương tiện cơ giới): các phương tiện vận chuyển sẽ là nguồn thải di động, phát tán bụi, SO₂, Nox, CO, VOC ra dọc đường vận chuyển. Tuy nhiên, số lượt xe vận chuyển không nhiều, đây là nguồn phát sinh động, không gian chịu tác động rộng, thoáng nên mức độ tác động không lớn. Đồng thời, mức độ tác động còn phụ thuộc vào chất lượng đường xá, lưu lượng xe qua lại.

- Từ quá trình bốc xếp nguyên vật liệu, thành phẩm, phát sinh bụi: Hoạt động bốc dỡ nguyên vật liệu tuy phát sinh bụi nhưng không diễn ra thường xuyên, liên tục trong nhiều ngày, mặt khác lượng bụi này phát tán rất nhanh vào không khí vì vậy ảnh hưởng của chúng tới môi trường và sức khỏe người lao động là không đáng kể.

Khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án được kiểm soát nhằm bảo đảm chất lượng không khí xung quanh đáp ứng QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

gia về chất lượng không khí và khí thải công nghiệp đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT.

c. Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hoặc dự kiến phát sinh.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hằng ngày của khoảng 155 công nhân viên, tổng khối lượng ước tính tối đa 47 kg/ngày, gồm khoảng 60% chất thải rắn hữu cơ, còn lại là chất thải rắn vô cơ như thủy tinh, giấy, nilon,...

Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom, phân loại ngay tại nơi phát thải và lưu trữ tại khu riêng để chuyển giao lại cho cơ sở xử lý chất thải sinh hoạt đã ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt với Công ty.

d. Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hoặc dự kiến phát sinh.

Chất thải rắn phát sinh trong các công đoạn sản xuất gồm các phế thải có khả năng tận dụng lại trong sản xuất và các chất thải phải loại bỏ.

Đối với các phế thải có khả năng tận dụng lại trong sản xuất bao gồm đầu mẩu kim loại, phoi tiện sạch, mặt sắt được tái sản xuất, bao bì nilon thải không có thành phần nguy hại được bán phế liệu cho các cơ sở tái chế, vỏ thùng phụ đựng nhựa Furfuryl thải trả lại cho nhà cung cấp, cát thải được tái sử dụng cho sản xuất.

Đối với các chất thải sẽ thu hồi hoặc tận dụng vào công việc khác bao gồm cát và bụi được lấy ra từ máy hút bụi tại các xưởng sản xuất hàng tháng có khối lượng là 5 m³.

Toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp sẽ được thu gom, phân loại ngay tại nơi phát thải và lưu trữ tại khu riêng để chuyển giao lại cho cơ sở xử lý chất thải công nghiệp đã ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp với Công ty.

e. Loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh.

Ước tính chất thải nguy hại của Công ty được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 6: Khối lượng chất thải nguy hại ước tính

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10
2	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	11

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	12
4	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	10
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	200
6	Phôi từ quá trình gia công tạo hình có lẫn các thành phần nguy hại	Rắn	360
Tổng khối lượng			603

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại sẽ được thu gom, phân loại ngay tại nơi phát thải và lưu trữ tại khu riêng để chuyển giao lại cho cơ sở xử lý chất thải nguy hại đã ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty.

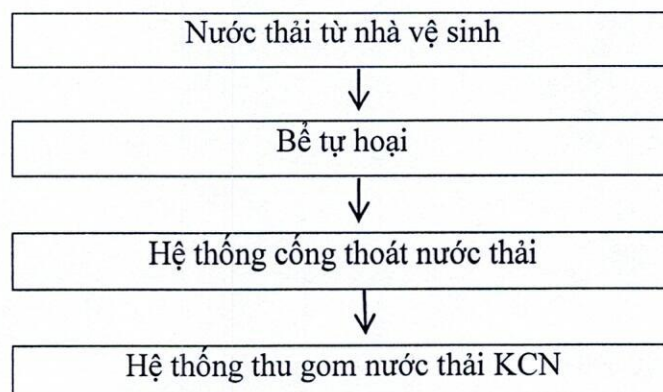
4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở:

a. Phương án thu gom, quản lý, xử lý nước thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh và quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng.

★ Đối với nước thải sinh hoạt:

Toàn bộ nước thải từ nhà vệ sinh, nước thoát sàn sẽ được thu gom bằng các đường ống nhánh D50, sau đó thoát vào bể tự hoại và xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tự hoại được dẫn ra các hố ga lắng cặn, sau đó thoát ra hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

Công ty đã ký Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 115/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018 với Công Ty TNHH Đầu Tư & Phát Triển Hạ Tầng Nam Đức để đầu nối và xử lý nước thải cho toàn bộ diện tích nhà xưởng của dự án.



Bể tự hoại có 2 chức năng đồng thời: Lắng và phân hủy yếm khí cặn lắng với hiệu suất xử lý đạt 60-65%. Ở mỗi ngăn có chức năng riêng biệt. Các chất hữu cơ và cặn lắng trong bể

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí sẽ dễ bị phân hủy, một phần tạo ra các khí và các chất vô cơ hòa tan. Nước thải đảm bảo đạt theo tiêu chuẩn thỏa thuận với Khu công nghiệp trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Minh.

Ngoài ra để nâng cao hiệu quả xử lý nước thải của bể tự hoại dự án còn thường xuyên thực hiện một số biện pháp sau:

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường dẫn nước thải. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.
- Tránh không để rơi vãi hóa chất, dung môi hữu cơ, xăng dầu, xà phòng xuống bể tự hoại. Các hóa chất này làm thay đổi môi trường sống của các vi sinh vật, do đó làm giảm hiệu quả xử lý của bể tự hoại.

Quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng: Nước thải được quản lý theo yêu cầu tiếp nhận của hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Quang Minh và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

★ Đối với nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn được thu gom theo bề mặt cơ sở chảy về hệ thống thu gom và thoát nước mưa của chủ nhà xưởng. Công ty cũng thường xuyên quét dọn tránh trường hợp ứ đọng rác thải cuốn theo nước mưa vào hệ thống thoát nước.

Quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng: Hệ thống thu gom nước mưa được vận hành tách biệt với hệ thống thu gom nước thải, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

b. Phương án thu gom, quản lý, xử lý khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh và quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng.

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất:
 - + Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động trong đó có khẩu trang và kính mắt cho công nhân làm việc tại các xưởng của Cơ sở 2 Viện Công nghệ, đặc biệt là tại các khu vực bị ô nhiễm bụi, hơi kim loại, hơi axit...
 - + Lắp đặt hệ thống thông gió cưỡng bức kết hợp với thông gió tự nhiên cho các nhà xưởng: Thông gió tự nhiên bằng hệ thống cửa trời: hòng mở 1500mm dọc theo các nóc nhà. Thông gió cưỡng bức bằng hệ thống quả cầu hút gió trên mái nhà (mỗi gian, mỗi nhịp 2 quả).
 - + Giáo dục cho người lao động thấy được tầm quan trọng của việc ngăn ngừa và hạn chế ô nhiễm môi trường, đặc biệt đối với bụi phát sinh từ quá trình đúc tác động trực tiếp đến cơ

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

quan hô hấp và da.

+ Công nhân vào làm việc tại các khu vực có bụi bắt buộc phải đeo khẩu trang chống bụi. Sau mỗi ca làm việc phải vệ sinh nhà xưởng, thiết bị để không bị ô nhiễm thứ cấp do bụi gây ra. Hàng tuần tiến hành làm vệ sinh toàn bộ nhà xưởng.

+ Tại dây chuyền đúc Furan: Lắp đặt 1 thiết bị hút bụi kiểu màng và 1 thiết bị hút bụi kiểu màng rung có công suất 100m³ - 200m³/phút đảm bảo xử lý triệt để lượng bụi phát sinh.

+ Tại dây chuyền khuôn tươi: lắp đặt hệ thống hút bụi dạng túi lọc có công suất 22,5 kW (36 túi).

+ Tại khu vực lò nấu thép, lò nhiệt luyện Cơ sở 2 Viện Công nghệ lắp đặt quạt thông gió và hệ thống hút bụi phía trên để hút nhiệt dư và hơi khí độc trong xưởng ra môi trường bên ngoài.

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động giao thông ra vào của các phương tiện:

+ Đề xuất biện pháp quản lý giao thông như: Bố trí đường dẫn vào bãi đỗ xe hợp lý, phương tiện ra vào theo quy định và hướng dẫn của người quản lý.

+ Tắt động cơ khi dừng đỗ xe quá 3 phút.

- Biện pháp khống chế mùi từ khu vực bể tự hoại và khu tập kết chất thải:

+ Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển chất thải đi xử lý định kỳ, tránh việc lưu trữ rác trong thời gian dài.

+ Điểm tập kết rác được bố trí ở vị trí thông thoáng và ngăn cách với khu vực khác của dự án và được vệ sinh ngay sau khi thu gom rác.

+ Các nắp cống, hố ga được đậy kín để tránh phát tán mùi hôi.

+ Bố trí người thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực nhà vệ sinh và nơi lưu trữ rác thải tạm thời.

Quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng: Khí thải và bụi phát sinh trong quá trình sản xuất được kiểm soát bảo đảm đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (được sửa đổi, bổ sung tại QCVN 19:2009/BTNMT theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT), trường hợp thuộc đối tượng áp dụng; chất lượng không khí xung quanh bảo đảm đáp ứng QCVN 05:2023/BTNMT.

c. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hoặc dự kiến phát sinh.

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

- Đối với rác thải có khả năng tái chế như giấy, vỏ lon, vỏ chai, ... cơ sở thu gom vào khu vực chứa chất thải, rác thải sinh hoạt tần suất 1 ngày/lần) và định kỳ chuyển giao lại cho các đơn vị tái chế.

- Đối với chất thải rắn thông thường khác phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân viên, cơ sở bố trí các thùng rác đạt tiêu chuẩn vệ sinh tại khu vực có khả năng phát sinh để thu gom toàn bộ. Sau mỗi ngày chuyển toàn bộ lượng rác thải này về khu vực chứa rác thải sinh hoạt để chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt. Công ty ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định hiện hành.

d. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hoặc dự kiến phát sinh.

- Đối với chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất, cơ sở thu gom vào khu vực riêng và định kỳ chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp. Công ty ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định hiện hành.

e. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh.

- Chất thải nguy hại tại dự án được thu gom vào thùng kín riêng biệt, có nắp đậy, có tên, mã, biển báo đúng quy định tại khu vực lưu chứa chất thải của dự án. Công ty ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp, bao gồm cả chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định hiện hành. Định kỳ đơn vị có chức năng sẽ tới thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại và bàn giao các chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Việc quản lý chất thải nguy hại được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường của chủ dự án:

Công ty cam kết:

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Công ty cam kết tuân thủ các quy chuẩn hiện hành về môi trường.
- Công ty cam kết thu gom, phân loại và duy trì hợp đồng với đơn vị vận chuyển để vận

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

chuyên và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, theo đúng quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, nộp phí vệ sinh môi trường đầy đủ.

- Công ty duy trì hợp đồng dịch vụ nước thải với công ty hạ tầng có chức năng để xử lý nước thải cho dự án trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

- Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường. Nếu để xảy ra sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thực hiện dự án, chủ đầu tư cam kết sẽ đền bù thỏa đáng cho đối tượng bị hại và khắc phục sự cố rủi ro môi trường do Dự án gây ra.

- Công ty cam kết thực hiện đầy đủ nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường được nêu trên đây.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận đăng ký môi trường của Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ MÊ LINH**

(Ký tên và đóng dấu)



**Họ và tên: Nguyễn Đức Giáp
Chức vụ: Giám đốc**

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

STT	Tên tài liệu	Hình thức
1.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	Bản sao y chứng thực
2.	Quyết định 3732/QĐ-UBND ngày 20/8/2012 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án di dời và đầu tư mới cơ sở II Viện Công nghệ tại khu công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội	Bản sao y chứng thực
3.	Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 115/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018 giữa Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh và Công Ty TNHH Đầu Tư & Phát Triển Hạ Tầng Nam Đức và các phụ lục	Bản sao y dấu công ty
4.	Hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải số 03.01.2026/HĐK/CNX-COKHIMELINH ngày 03/01/2026 giữa Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh và Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp xanh	Bản sao y dấu công ty
5.	Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số 062/2026/HĐVSMT/QM ngày 08/01/2026 giữa Công ty Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh và Công ty Cổ phần Công trình đô thị Long Biên	Bản sao y dấu công ty



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2500217212

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 06 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 15 tháng 01 năm 2025

BẢN SAO

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CƠ KHÍ MÊ LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ME LINH MECHANICAL ONE MEMBER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MELICO CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982316246

Fax:

Email: kinhdoanh.melico@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 30.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: VIỆN CÔNG NGHỆ

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0109000012

Ngày cấp: 20/08/2007 Nơi cấp: Phòng ĐKKD - Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội

Địa chỉ trụ sở chính: Số 25 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC GIÁP

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/08/1986

Dân tộc: Kinh

Ngày: 04-09-2026

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042086002656

Ngày cấp: 19/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số Nhà 10, Ngõ 40, Phố Cự Lộc, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số Nhà 10, Ngõ 40, Phố Cự Lộc, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Giới tính: Nam

Ngày: 04-09-2026

Quốc tịch: Việt Nam

Số chứng thực: 4.3.3.9.1..... Quyền số: 0.1...SCT/BS



TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG

ĐĂNG KÝ

KINH DOANH

Đỗ Văn Linh

CÔNG CHỨNG VIỆN
Nguyễn Đức Xuân



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án: Di dời và đầu tư mới cơ sở II Viện Công nghệ
tại khu công nghiệp Quang Minh, thành phố Hà Nội
Địa điểm: Khu công nghiệp Quang Minh – Mê Linh – Hà Nội
Chủ đầu tư: Tổng công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam
Đại diện chủ đầu tư: Viện Công nghệ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của
Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi
trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số
29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ
trình số 2836/TTr-STNMT-CCMT ngày 27 tháng 7 năm 2012; kèm theo bản
xác nhận, báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Di dời và đầu tư mới cơ
sở II Viện Công nghệ tại khu công nghiệp Quang Minh, thành phố Hà Nội” đã
được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến nhận xét tại biên bản của Hội đồng thẩm
định họp ngày 04/07/2012.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Di
dời và đầu tư mới cơ sở II Viện Công nghệ tại khu công nghiệp Quang Minh,
thành phố Hà Nội” được lập bởi Viện Công nghệ - Tổng công ty máy động lực
và máy nông nghiệp Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ
yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:
 - Tổng diện tích: khoảng 14.350m²
 - Đầu tư mới nhà xưởng cơ khí 900m²; nhiệt luyện 2160m²
 - Mở rộng cải tạo xưởng đúc đồng hiện có khoảng 180m² cùng hệ thống hạ tầng kèm theo như trạm biến áp, hệ thống phòng cháy chữa cháy, đường nội bộ, nhà tắm, nhà vệ sinh...
2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án: Chủ Dự án và đơn vị tiếp nhận quản lý vận hành dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã

Điều 2. Chủ dự án phải lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án; nghiêm túc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và giai đoạn thi công xây dựng Dự án; lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND Thành phố.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư Dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Ủy nhiệm Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận vào trang phụ bìa của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan, Chủ tịch UBND huyện Mê Linh; Trưởng BQL Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức; Giám đốc Viện Công nghệ - Tổng công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 6;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBNDTP (để b/c);
- Phó Chủ tịch Vũ Hồng Khanh;
- VPUB: CVP, PCVP Phạm Chí Công;
- Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội;
- TH, TNMT (c,b,kh);
- Lưu: VT.

MSHS.15821.CCMT

Số chứng thực: 43.3.9.3.....Quyển số: 0.1...SGT/BS

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Khanh

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đức Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ MÊ LINH

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 08... tháng 09... năm 2026...



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Hùng

HỢP ĐỒNG

DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 115 /2018/HĐ-XLNT

Được ký giữa:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
KCN Quang Minh – Huyện Mê Linh, TP Hà Nội
(Bên cung cấp dịch vụ)

Và:

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ MÊ LINH
(Bên sử dụng dịch vụ)

- Hà Nội, Tháng 12/2018 -

HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Số: *MS*/2018/HĐ-XLNT

*** Căn cứ vào:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/06/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.
- Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 22/4/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành Điều lệ Khu công nghiệp Quang Minh;
- Căn cứ Quyết định số 3742/2004/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc thành lập, phê duyệt dự án và giao Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Yêu cầu đầu nối, cung cấp dịch vụ XLNT của Bên sử dụng dịch vụ và khả năng của Bên cung cấp dịch vụ:

Hôm nay, ngày 15/12/2018, tại Văn phòng Công ty TNHH đầu tư và PTHT Nam Đức, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I/. CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC:

Địa chỉ: KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 35860478

Mã số thuế: 2500222438

Số tài khoản VNĐ: 031 0101 0834036

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa.

Đại diện: Ông Nguyễn Khắc Sơn - Chức vụ: Giám đốc

(Sau đây được gọi tắt là Bên A)

II/. CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ MÊ LINH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 3813 4268

Mã số thuế: 2500217212

Số tài khoản: 42710000001632

Tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Tây Hà Nội - PGD Quang Minh

Đại diện: Ông Vũ Nhật Quang - Chức vụ: Giám đốc

(Sau đây được gọi tắt là Bên B)

* Do vì:

- Bên A là Chủ đầu tư KCN được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam với đầy đủ năng lực trong lĩnh vực xử lý nước thải, sẵn sàng cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải và các dịch vụ liên quan theo yêu cầu của Bên B.
 - Bên B là doanh nghiệp hoạt động trong KCN Quang Minh có mong muốn được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải.
 - Các Bên đều hiểu rõ các quy định của pháp luật và UBND thành phố Hà Nội về công tác Bảo vệ môi trường tại KCN Quang Minh và cam kết chấp hành, thực hiện.
- Sau khi thoả thuận, Bên A và Bên B thống nhất ký, thực hiện Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải (XLNT) tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với các điều khoản và điều kiện cụ thể dưới đây:

ĐIỀU 1. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG:

- 1.1 Đối tượng của Hợp đồng: Bên A nhận cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải do Bên B xả vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Quang Minh, đảm bảo xả thải vào nguồn nước tiếp nhận với chất lượng nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép.
- 1.2 Phạm vi thực hiện: Hoạt động cung cấp dịch vụ XLNT và xả nước thải của các bên được giới hạn trong KCN Quang Minh thuộc huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

ĐIỀU 2. ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI:

- 2.1 Điểm đầu nối nước thải từ hệ thống thu gom XLNT của Bên B vào hệ thống thu gom, XLNT của KCN là vị trí hố ga (do Bên A chỉ định) mà tại đó đường ống thoát nước thải của Bên B được nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.
- 2.2 Điểm đầu nối do Bên A chỉ định theo thiết kế kỹ thuật của hệ thống để đảm bảo sự an toàn và vận hành của hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

ĐIỀU 3. KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CỦA BÊN B XẢ VÀO HỆ THỐNG THU GOM, XLNT CỦA BÊN A:

- 3.1 Khối lượng nước thải: Khối lượng nước thải thu phí được tính bằng 80% khối lượng nước cấp mà Bên B sử dụng cho mục đích sinh hoạt và sản xuất.
 - Trường hợp Bên B chỉ có nước thải sinh hoạt và dùng nước sạch tập trung thì lượng nước thải tính phí bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ. Trường hợp không dùng nước sạch tập trung thì Bên B phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải.
- 3.2 Chất lượng nước thải: Nước thải của Bên B chỉ được xả vào nguồn tiếp nhận của KCN Quang Minh khi Bên B đã tự xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn cho phép tối thiểu đạt mức nước giá trị C Cột B theo QCVN 40: 2011/BTNMT (chỉ tiết trong Phụ lục I kèm theo Hợp đồng này).

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B:

- 4.1 Được sử dụng dịch vụ thu gom, XLNT của Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.
- 4.2. Thanh toán kịp thời, đầy đủ các chi phí sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này;
- 4.3. Chịu trách nhiệm lấy mẫu nước thải và chi phí kiểm định khi cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành; tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nước thải và cung cấp dịch vụ XLNT.
- 4.4. Thông báo cho Bên A bằng văn bản trong các trường hợp: thay đổi chất lượng nước

thải, thay đổi công nghệ sản xuất, tăng công suất nhà máy,...

4.5. Cung cấp cho Bên A sơ đồ hệ thống thoát nước (gồm cả nước mưa và nước thải) trong nội bộ nhà máy của Bên B để Bên A kiểm tra giám sát; xây dựng tách biệt giữa hệ thống thoát nước mưa với nước thải và không được để Bên thứ 3 đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Bên B.

4.6. Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của KCN Quang Minh về công tác bảo vệ môi trường, việc đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải chung, sử dụng hạ tầng KCN và các quy định khác có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ XLNT.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A:

5.1 Kinh doanh dịch vụ thu gom và XLNT theo quy định của pháp luật.

5.2 Bảo đảm khả năng đáp ứng nhu cầu XLNT của Bên B, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng dịch vụ XLNT cho Bên B;

5.3 Đảm bảo chất lượng dịch vụ XLNT theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án KCN Quang Minh I

5.4 Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của KCN về công tác Bảo vệ môi trường, về việc quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thu gom nước thải.

5.5 Yêu cầu Bên B thanh toán Phí xử lý nước thải và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về xử lý nước thải tại KCN Quang Minh I.

5.6 Khi nghi ngờ Bên B xả nước thải vượt quá quy chuẩn cho phép, Bên A có quyền lấy mẫu nước thải của Bên B tại bất kỳ thời điểm nào để xác định tính chính xác chất lượng nước thải của Bên B. Việc lấy mẫu nước thải được lập thành biên bản và kết quả được lấy làm cơ sở tính phí XLNT trong kỳ theo nội dung quy định trong Hợp đồng này.

5.7 Bên A có quyền kiểm tra giám sát hoạt động xả nước thải của Bên B vào hệ thống thu gom của KCN và yêu cầu Bên B xả nước thải đảm bảo chất lượng theo Hợp đồng XLNT đã ký.

ĐIỀU 6. PHÍ DỊCH VỤ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

6.1 **Phí dịch vụ:**

- Khối lượng nước thải để tính phí xác định theo khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

- Trường hợp Bên B không sử dụng nước sạch do Nhà máy nước sạch Quang Minh cung cấp thì Bên B phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải của Bên B. Khối lượng nước thải thu phí tính theo đồng hồ đo nước thải.

- Bên B sẽ thanh toán cho Bên A phí dịch vụ hàng tháng được tính như sau:

Phí dịch vụ = Đơn giá x Khối lượng nước thải do Bên A xử lý hàng tháng.

* Đơn giá dịch vụ XLNT: **12.000VNĐ/m³**

+ Giá trên áp dụng đối với nước thải có giá trị thông số và nồng độ các chất ô nhiễm nhỏ hơn hoặc bằng giá trị quy định tại Cột B QCVN 40: 2011/BTNMT.

+ Giá trên chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng (thuế VAT).

- Đơn giá XLNT có thể được điều chỉnh căn cứ sự biến động giá cả thị trường (điện nước, hoá chất, tiền lương, chính sách tiền tệ của Nhà nước...) với mỗi lần điều chỉnh không quá 15% theo giá kỳ trước liền kề. Khi điều chỉnh đơn giá bên A sẽ thông

báo trước cho bên B trong thời hạn 15 ngày. Thời gian điều chỉnh đơn giá tối thiểu là 1 năm và tối đa 2 năm.

- Cơ sở để xác định chất lượng nước thải áp dụng cho việc tính giá là Phiếu kết quả phân tích nước thải mới nhất của Bên B, bao gồm đủ các chỉ tiêu theo Phụ lục I của Hợp đồng (*Bản sao Phiếu kết quả phân tích nước thải là Phụ lục II đính kèm hợp đồng này*).

6.2 Phương thức thanh toán

(i) Bên B có trách nhiệm thanh toán phí dịch vụ cho Bên A trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn hàng tháng của Bên A (hoá đơn này được coi là thông báo thanh toán lần thứ nhất) vào tài khoản được chỉ định bởi Bên A hoặc tiền mặt tại Văn phòng của Bên A.

Nếu quá thời hạn năm (05) ngày nêu trên mà Bên B vẫn chưa thanh toán phí dịch vụ cho Bên A, Bên B có trách nhiệm thanh toán trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo lần 2 của Bên A;

(ii) Quá thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được giấy thông báo lần 2 của Bên A mà Bên B vẫn chưa thanh toán thì Bên A sẽ tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT và có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước tạm ngừng cung cấp nước sạch cho đến khi Bên B thanh toán đầy đủ phí sử dụng dịch vụ XLNT theo giấy báo;

(iii) Kể từ ngày Bên B thanh toán đầy đủ phí dịch vụ cho Bên A, Bên A sẽ mở van xả thải cho Bên B để Bên B được xả nước thải vào hệ thống XLNT của Bên A. Khi đó, Bên B sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A toàn bộ chi phí phát sinh từ về việc đóng/mở van cấp nước/thoát nước và các vật tư phát sinh sử dụng trong quá trình trên (nếu có) theo bảng chiết tính của Bên A cũng như tiền lãi tính trên số phí dịch vụ mà Bên B thanh toán chậm kể từ ngày quá thời hạn 03 ngày nêu tại mục (ii) ở trên với mức lãi suất quá hạn bằng 20%/năm cho toàn bộ thời gian chậm thanh toán.

ĐIỀU 7. CÁC TRƯỜNG HỢP NGỪNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THU GOM, XLNT:

7.1 Khi Bên B vi phạm các quy định về xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN nhưng chưa gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom xử lý nước thải của KCN, Bên A sẽ có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu Bên B khắc phục. Sau 05 ngày kể từ ngày phát hành thông báo lần thứ nhất mà Bên B không chấp hành thì Bên A sẽ ra thông báo nhắc nhở lần hai. Hết thời hạn 05 ngày của thông báo lần 2 mà Bên B vẫn không chấp hành thì Bên A được quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT theo thoả thuận đã được quy định trong Hợp đồng này.

7.2 Trường hợp nước thải của Bên B xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, Bên A sẽ lập biên bản yêu cầu Bên B khắc phục để đảm bảo nước thải đạt mức nước Cột B và Bên B phải thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải và phí XLNT theo đơn giá 24.000đ/m³ đối với khối lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom của KCN từ thời điểm chốt số kỳ trước đến thời điểm nước thải của Bên B đạt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Bên A lập biên bản đối với hành vi vi phạm; đồng thời Bên B phải chịu phạt với mức phạt bằng 50% tổng số tiền Bên B thanh toán phí XLNT trong kỳ. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch và tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên B và Bên B có trách nhiệm cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) của Bên B với cơ quan chức năng cho Bên A.

7.3 Khi Bên B vi phạm các quy định về xả nước thải có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom và xử lý nước thải chung, Bên A tiến hành lập biên bản và yêu cầu Bên B phải khắc phục ngay các sai phạm. Trường hợp Bên B không chấp hành yêu cầu của Bên A, Bên A sẽ ngừng ngay việc cung cấp dịch vụ XLNT và đề nghị đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch.

7.4 Trường hợp Bên B vi phạm các quy định về xả thải gây hậu quả nghiêm trọng thì tùy theo mức độ có thể bị truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7.5 Dịch vụ XLNT sẽ được khôi phục sau khi Bên B đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi phạm gây ra, và hoàn thành các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

7.6 Khi tiến hành xúc tiến các công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom và Nhà máy XLNT, Bên A sẽ có văn bản thông báo cho Bên B biết lý do, thời gian tiến hành các công tác trên; đồng thời Bên A sẽ có biện pháp thích hợp tạm thời nhằm hạn chế các tác động gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên B và ô nhiễm môi trường.

ĐIỀU 8. THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 15/12/2018 đến ngày 15/12/2022 và có thể được gia hạn theo thỏa thuận của các Bên.

ĐIỀU 9. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

9.1 Hợp đồng này có thể được các Bên sửa đổi/bổ sung bằng văn bản. Việc sửa đổi/bổ sung sẽ được tiến hành theo hình thức Hợp đồng sửa đổi/bổ sung hoặc phụ lục của Hợp đồng và là một phần không tách rời của Hợp đồng này;

9.2 Hợp đồng này sẽ hết hiệu lực trong những trường hợp sau:

- (i) Hết thời hạn của Hợp đồng mà không được gia hạn; hoặc
- (ii) Các Bên đồng ý bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng này.

ĐIỀU 10. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác giữa các Bên. Trong trường hợp các Bên không thể giải quyết thông qua hoà giải, một trong hai Bên có thể đưa tranh chấp ra Toà án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết tranh chấp. Quyết định của Toà án có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên và án phí do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 11. CHỐNG GIAN LẬN VÀ HỐI LỘ:

11.1. Bên B cam kết và đảm bảo rằng bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên B hoặc được Bên B chỉ định (gọi chung là "Người Của Bên B") liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A sẽ không (i) hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, giảm giá, trích thưởng, khoản tiền gây ảnh hưởng hoặc khoản báo đáp bất hợp pháp hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào (gọi chung là "Hối Lộ"), cho bất kỳ đại diện nào của Bên A (gọi chung là "Người Của Bên A") hoặc thông qua bất kỳ Bên Thứ Ba nào để Hối Lộ Người Của Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký Hợp Đồng với Bên A một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, và /hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.

11.2. Bên A cam kết và đảm bảo rằng Người Của Bên A sẽ không đòi hỏi Hối Lộ hoặc có những hành vi chủ quan (cá nhân, cảm tính, vô trách nhiệm, ...) nhằm cản trở, gây khó khăn cho Người Của Bên B trong việc thực hiện Hợp Đồng (gọi chung là "Gian Lận").

11.3. Các hành vi Hối Lộ và Gian Lận theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp bất kỳ Người Của Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Của Bên A nào có biểu hiện, hành vi đòi Hối Lộ và/hoặc Gian Lận thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo địa chỉ email: thanhtra@tng-holdings.vn.

11.4. Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Hối Lộ của Bên B vi phạm pháp luật Việt Nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

ĐIỀU 12. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

12.1. Các Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều quy định trong Hợp đồng này. Bên nào vi phạm sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;

12.2. Hợp đồng gồm sáu (06) trang, mười hai (12) điều, được lập thành ba (03) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản làm cơ sở thực hiện.

12.3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày các bên ký, đóng dấu xác lập.

ĐẠI DIỆN BÊN A



**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2021/PLHD-NĐ
V/v: Gia hạn HĐ và điều chỉnh đơn giá
DVTGXLNT

PHỤ LỤC SỐ 01

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Số 115/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018)
Các Bên gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Địa chỉ: KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04: 32484282/35860478

- Fax: 04: 38134514

Mã số thuế: 2500222438

Số tài khoản VNĐ: 031 0101 0834036

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đồng Đa.

Đại diện PL: Ông Nguyễn Khắc Sơn

- Chức vụ: Giám đốc

Và

BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ MÊ LINH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 3813 4268

Mã số thuế: 2500217212

Số tài khoản: 42710000001632

Tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Tây Hà Nội - PGD Quang Minh

Đại diện: Ông Vũ Nhật Quang

- Chức vụ: Giám đốc

Các Bên trên đây cùng đồng ý ký kết Phụ lục này vào ngày 15 tháng 12 năm 2021 với nội dung điều chỉnh, bổ sung cụ thể sau đây:

1. Hai bên đồng ý gia hạn Hợp đồng Dịch vụ Xử lý nước thải số 115/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018 (Hợp đồng số 115) kể từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/12/2025 (Ngày hết hạn).

2. Kể từ kỳ nước tháng 1/2022 (từ ngày 15/12/2021) hai bên đồng ý điều chỉnh đơn giá trên Hợp đồng Dịch vụ Xử lý nước thải số 115 lên 13.000 đồng/m³ (Giá trên chưa bao gồm thuế VAT).

3. Điều chỉnh nội dung tại mục 7.2 Điều 7 Hợp đồng số 115 như sau: Trường hợp nước thải của Bên B xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, Bên A sẽ lập biên bản yêu cầu Bên B khắc phục để đảm bảo nước thải đạt mức nước Cột B và Bên B phải thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải và phí XLNT theo đơn giá 26.000đ/m³ đối với khối lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom của KCN từ thời điểm chốt số kỳ trước đến thời điểm nước thải của Bên B đạt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Bên A lập biên bản đối với hành vi vi phạm; đồng thời Bên B phải chịu phạt



với mức phạt bằng 50% tổng số tiền Bên B thanh toán phí XLNT trong kỳ. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch và tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên B và Bên B có trách nhiệm cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) của Bên B với cơ quan chức năng cho Bên A.

4. Ngoài nội dung tại mục 1, mục 2, mục 3 các điều khoản/thỏa thuận quy định trong Hợp đồng số 115 vẫn giữ nguyên hiệu lực.

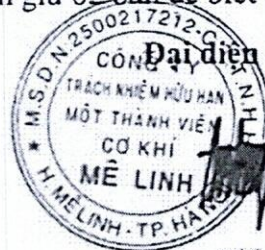
Phụ lục này có hiệu lực vào ngày tháng như đề tại phần đầu của Phụ lục và được lập thành 04 bản gốc có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản để biết và thực hiện.

Đại diện bên A



Stamp: CÔNG TY TNHH NAM DUC, M.S.D.N. 25002224, PHAI THIEN HA TANG, NAM DUC, NGUYỄN KHẮC SƠN

Đại diện bên B



GIÁM ĐỐC

Vũ Nhật Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 02

Đính kèm Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 115/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018
V/v gia hạn thời hạn và điều chỉnh đơn giá dịch vụ của Hợp đồng

- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 115/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018 giữa Công ty TNHH đầu tư và phát triển Hạ tầng Nam Đức và Công ty TNHH MTV cơ khí Mê Linh (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”);
- Căn cứ Phụ lục số 01 ký ngày 15/12/2021 đính kèm Hợp đồng (“Phụ lục 01”);
- Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu của các Bên.

Hôm nay, ngày 15/12/2023, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Địa chỉ: Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04: 32484282/35860478

- Fax: 04: 38134514

Mã số thuế: 2500222438

Số tài khoản: 031 0101 0834036

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa.

Đại diện: Ông Nguyễn Khắc Sơn

- Chức vụ: Giám đốc

Và

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CƠ KHÍ MÊ LINH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 3813 4268

Mã số thuế: 2500217212

Số tài khoản: 42710000001632

Tại Ngân hàng: TMCP đầu tư và phát triển Tây Hà Nội - PGD Quang Minh

Đại diện: Ông Vũ Nhật Quang

- Chức vụ: Giám đốc

Bên A và Bên B sau đây gọi chung là “Hai Bên” gọi riêng là “Bên” tùy theo ngữ cảnh.

Các Bên trên đây cùng thỏa thuận ký kết Phụ lục 02 của Hợp đồng (“Phụ lục 02”) gia hạn thời hạn và điều chỉnh đơn giá dịch vụ của Hợp đồng, Phụ lục 01 với nội dung điều chỉnh, bổ sung cụ thể sau đây:

Điều 1. Nội dung Phụ lục.

1. Hai Bên đồng ý gia hạn thời hạn của Hợp đồng tại Điều 8 và mục 1 Phụ lục 01 như sau: Gia hạn thời hạn của Hợp đồng kể từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/12/2027 (Ngày hết hạn).

2. Điều chỉnh đơn giá dịch vụ Xử lý nước thải tại Điều 6.1 của Hợp đồng và mục 2 Phụ lục 01:

Kể từ kỳ nước tháng 1/2024 Hai Bên đồng ý điều chỉnh đơn giá dịch vụ XLNT thành 14.300 đồng/m³ (Giá trên chưa bao gồm thuế VAT).

Kể từ kỳ nước tháng 1/2026 Hai Bên đồng ý điều chỉnh đơn giá dịch vụ XLNT thành 15.500 đồng/m³ (Giá trên chưa bao gồm thuế VAT).

3. Điều chỉnh nội dung tại mục 7.2 Điều 7 của Hợp đồng và mục 3 Phụ lục 01: Trường hợp nước thải của Bên B xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, Bên A sẽ lập biên bản yêu cầu Bên B khắc phục để đảm bảo nước thải đạt mức nước Cột B và Bên B phải thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải và phí XLNT theo đơn giá 31.000đ/m³ đối với khối lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom của KCN từ thời điểm chốt sổ kỳ trước đến thời điểm nước thải của Bên B đạt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Bên A lập biên bản đối với hành vi vi phạm; đồng thời Bên B phải thanh toán cho Bên A khoản phí bổ sung bằng 50% tổng số tiền phí XLNT phát sinh trong kỳ. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch và tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên B và Bên B có trách nhiệm cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) của Bên B với cơ quan chức năng cho Bên A.

Điều 2. Điều khoản chung

1. Phụ Lục 02 này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Hợp đồng.

2. Ngoài nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Phụ Lục 02, các nội dung khác của Hợp Đồng và các phụ lục (nếu có) vẫn giữ nguyên hiệu lực áp dụng. Trường hợp có mâu thuẫn về nội dung giữa Phụ lục 02 với Hợp đồng và các phụ lục (nếu có), thì nội dung của Phụ lục 02 được ưu tiên áp dụng.

3. Phụ lục 02 này được lập thành 04 bản gốc có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản để biết và thực hiện.

Đại diện Bên A



GIÁM ĐỐC

Vũ Nhật Quang



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CƠ KHÍ MÊ LINH

SAO BÀN CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Ngày 08... tháng 01 năm 2026 - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 03.01.2026/HDK/CNX-COKHIMELINH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Hùng

Căn cứ Điều 1 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2022;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Môi trường;

Căn cứ Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định 05/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư Số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3.009.VX của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH môi trường Công nghiệp Xanh lần thứ 2 ngày 10/9/2021

Căn cứ khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2026, hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải được lập bởi các Bên như sau:

I. CHỦ NGUỒN THẢI (BÊN A): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CƠ KHÍ MÊ LINH

Địa chỉ công ty : Khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

Tài khoản : 111000050489 Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Quang Minh-Mê Linh - Hà Nội.

Mã số thuế : 2500217212

Điện thoại : 024.38134268

Người đại diện : Ông Nguyễn Đức Giáp Chức vụ: Giám đốc

II. CHỦ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ (BÊN B): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH

Địa chỉ công ty : Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Điện thoại : 0211.2219010

Tài khoản : 258389988 Tại NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-Chi nhánh Vĩnh Phúc - Phòng giao dịch Phúc Yên

Mã số thuế : 0102169887

Người đại diện : Ông Đỗ Huy Thắng Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải như sau:

Điều 1. Bên A thuê bên B thực hiện các công việc sau:

Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải của bên A theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam về môi trường.

Người lập: Lê Duy Hiền

Người kiểm tra:

Điều 2. Danh mục chất thải, phương án thu gom vận chuyển xử lý, địa điểm, thời gian giao nhận và đơn giá:

1- Danh mục và đơn giá (chưa bao gồm thuế (GTGT)):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Đơn vị tính	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	kg	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	kg	19 06 01
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	kg	08 02 04
4	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm thành phần nguy hại.	Rắn	kg	18 02 01
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	kg	18 01 03
6	Phoi từ quá trình gia công tạo hình có lẫn thành phần nguy hại	Rắn	kg	07 03 11

*** Phí vận chuyển, xử lý chất thải được tính như sau (đã bao gồm thuế GTGT):**

a) Nếu chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải tại một địa điểm của cơ sở phát sinh chất thải nhỏ hơn 16.200.000 đồng/01 lần vận chuyển thì Bên B vẫn tính là 16.200.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Định mức tối đa của một chuyến vận chuyển là 1.500 kg.

b) Trong trường hợp khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý vượt định mức thì tính giá bổ sung cho phần khối lượng vượt định mức là: 10.000 đồng/kg (Mười nghìn đồng trên một kilogram)

2- Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu giữ chất thải của bên A

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

3- Thời gian giao nhận: Bên A thông báo lịch giao chất thải cho bên B trước 02 ngày để thu xếp phương tiện.

4- Địa điểm xử lý chất thải: Tại Trung tâm tái chế phế thải và xử lý chất thải – Tổ dân phố Thanh Cao – phường Xuân Hòa – Tỉnh Phú Thọ.

5- Giá trị hợp đồng tạm tính (đã bao gồm thuế GTGT) là 16.200.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Bên A sẽ chịu chi phí duy trì hợp đồng tương đương giá trị hợp đồng tạm tính (kể cả trong trường hợp không bàn giao chất thải cho Bên B).

Điều 3. Phương thức giao nhận và thanh toán:

1- Thời gian giao nhận từ 8 giờ sáng đến 17 giờ chiều cùng ngày. Sau mỗi đợt giao nhận hàng, hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, lập bảng tổng hợp khối lượng cho từng đợt làm cơ sở quyết toán cho từng đợt.

2- Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán tiền tạm ứng cho bên B số tiền là: 16.200.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng) ngay khi ký hợp đồng trọn gói. Trong trường hợp phát sinh thêm chi phí, số tiền phát sinh thêm bên A sẽ thanh toán cho bên B trong thời gian 30 ngày kể từ khi hai bên ký biên bản tổng hợp khối lượng chất thải và bên A nhận được hoá đơn tài chính hợp lệ.

3- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên

1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A.

- Chịu trách nhiệm sắp xếp kho lưu giữ; đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau, ghi rõ tên, loại chất thải trên bao bì thu chứa. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

Người lập: Lê Duy Hiền

Người kiểm tra:

2

- Chất thải công nghiệp và nguy hại phải được kiểm soát theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về việc Quản lý CTNH.

- Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình xử lý chất thải của mình, việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B

- Bàn giao Chứng từ Chất thải nguy hại cho bên B khi bên B nhận chuyển giao chất thải từ bên A.

- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B sau khi đã có biên bản tổng hợp xác nhận khối lượng giao nhận được đại diện hai bên ký xác nhận và nhận đủ hoá đơn giá trị gia tăng hợp lệ.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của bên B.

- Cung cấp cho bên A các giấy phép cần thiết để thực hiện công việc trong hợp đồng.

- Đảm bảo đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển xử lý chất thải theo nội dung hợp đồng này.

- Chịu trách nhiệm xử lý chất thải theo đúng các quy định của Việt Nam về bảo vệ môi trường hiện hành.

- Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải giao nhận để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hàng tháng.

- Thông tin đầy đủ cho Bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

- Hoàn thiện Chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của Pháp luật sau khi xử lý xong và trả lại chứng từ cho bên A kèm theo biên bản hoàn thành xử lý trong thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày nhận chất thải.

- Bên B có thể nghiên cứu áp dụng các phương án xử lý khác hoặc tái chế trên cơ sở tuân thủ các quy định về môi trường.

- Không thải bỏ chất thải bất hợp pháp, chỉ xử lý tại cơ sở xử lý quy định trong hợp đồng này.

Điều 5. Các điều khoản chung:

1- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện có vấn đề gì vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết trên tinh thần thương lượng và hợp tác, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.

2- Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt hợp đồng. Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng phải thông báo bằng văn bản trước cho bên kia 30 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng.

3- Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng phải được lập thành văn bản kèm theo hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.

4- Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu không được các bên thương lượng và hoà giải được với nhau sẽ được giải quyết tại toà án tỉnh Phú Thọ.

Điều 6. Hiệu lực của hợp đồng:

1- Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm, kể từ ngày ký.

2- Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt Nam, mỗi bên giữ 02 bản, cùng có giá trị như nhau về mặt pháp lý và là cơ sở để hai bên làm nghiệm thu thanh toán hợp đồng.

3- Hợp đồng này chỉ có giá trị đối với hai Bên (A và B), không có hiệu lực với bất cứ Bên thứ ba nào khác.



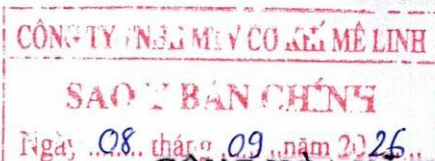
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Giáp



GIÁM ĐỐC

Đỗ Huy Thắng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quang Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Hùng

**HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN
RÁC THẢI SINH HOẠT**

Số: 062/2026/HĐVSMT/QM

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Quyết định số 87/2025/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND thành phố Hà Nội về ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số: 436/QĐ-BQLDA ngày 29/12/2025 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng xã Quang Minh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói thầu số 4: Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Quang Minh giai đoạn 2026 ÷ 2028 (03 năm) thuộc dịch vụ sự nghiệp công: Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Quang Minh giai đoạn 2026 - 2028 (03 năm).
- Căn cứ Quyết định số 4996/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 – 2027.
- Chức năng nhiệm vụ nhu cầu và khả năng thực hiện của các bên,

Hôm nay, ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại Công ty cổ phần công trình đô thị Long Biên, chúng tôi đại diện hợp pháp của:

Bên A: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CƠ KHÍ MÊ LINH

- Người đại diện: Ông Nguyễn Đức Giáp - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, TP Hà Nội.
- Mã số thuế: 2500217212



BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ LONG BIÊN

- Người đại diện là: Ông *Nguyễn Tiến Dũng* - Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: Số 90, Phố Kê Tạnh, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0243.8756817 Fax: 043.8756817
- Mã số thuế: 0104267103
- Số tài khoản: 22 222 238 222
- Mở tại: Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội

Các bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ với các nội dung cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG.

1.1. Nội dung công việc

- Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt do Bên A là chủ nguồn thải.

- Đối tượng hợp đồng không bao gồm: chất thải nguy hại, chất thải y tế, đất thải, phế thải xây dựng,.....

1.2. Phương thức thực hiện:

- Bên A trang bị đầy đủ dụng cụ lưu chứa rác hợp vệ sinh và phù hợp với phương tiện thu gom, vận chuyển rác hàng ngày của đơn vị duy trì.

- Bên A phân loại rác thải sinh hoạt đảm bảo không lẫn các loại như: chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế, đất thải, phế thải xây dựng,.....

- Bên B sử dụng phương tiện thu gom rác theo phương án cơ giới hóa thu gom, vận chuyển rác trên địa bàn xã Quang Minh đã được phê duyệt tiếp nhận rác từ các dụng cụ lưu chứa rác của Bên A để vận chuyển.

- Tần suất thực hiện: 01 lần/ tuần

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.

- Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026

- Địa điểm thực hiện tại Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, TP Hà Nội.

ĐIỀU 3. LOẠI HỢP ĐỒNG, GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

3.1 Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

72
IG
EMH
INH
KHÍ
LIN
TP.V
021
CƠ
H KHP
TH
CC
IE
NH

3.2 Giá trị hợp đồng: Đơn giá : 1.175 đồng/kg (theo Quyết định số 4996/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND thành phố Hà Nội, giá trên chưa bao gồm thuế VAT)

TT	Nội dung	Thành tiền (đồng)
1	Giá trị hợp đồng/tháng	1.200.000
2	Giá trị hợp đồng/ năm	14.400.000

(Giá trị trên chưa bao gồm thuế VAT, thuế xuất sẽ theo từng thời điểm do nhà nước quy định)

3.3 Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán cho Bên B: hàng quý (3 tháng 1 lần)
- Thời gian thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị thực hiện cho bên B trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán. Quá thời hạn thanh toán trên bên A chưa thanh toán thì bên A phải chịu chi phí nợ quá hạn là 2%/tháng cho số tiền chậm trả và bên B có quyền tạm dừng thực hiện hợp đồng.
- Chứng từ thanh toán: Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, đề nghị thanh toán và hóa đơn tài chính.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt/chuyển khoản. Bên A chịu mọi loại chi phí chuyển khoản.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Quyền và trách nhiệm của Bên A

- Trang bị đầy đủ dụng cụ lưu chứa rác hợp vệ sinh và phù hợp với phương tiện thu gom, vận chuyển rác hàng ngày của đơn vị duy trì.
- Hàng ngày có trách nhiệm đổ rác thải sinh hoạt lên phương tiện thu gom của đơn vị duy trì hoặc đưa rác ra các điểm tập kết rác theo quy định, tự bảo quản và vệ sinh dụng cụ lưu chứa rác.
- Bồi sung giá trị hợp đồng khi có khối lượng phát sinh ngoài khối lượng đã ký kết trong hợp đồng.
- Thanh toán đầy đủ kinh phí và đúng thời gian cho Bên B như đã thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng này.
- Phối hợp với Bên B giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

4.2 Quyền và trách nhiệm của Bên B

- Được thanh toán theo hợp đồng trên cơ sở giá trị đã được các bên thống nhất.

7212
G T Y
M H U
I N H V I
K H Í
L I N H
T P . H A

12-0
Y
U H A
V I E N
A N O

- Từ chối không thu gom, vận chuyển nếu phát hiện rác thải sinh hoạt lẫn các loại: chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế, đất thải, phế thải xây dựng,.....

- Ngừng cung cấp dịch vụ nếu Bên A không nộp tiền hoặc chậm thanh toán theo điều 3 của hợp đồng, không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng.

- Xuất đầy đủ hóa đơn, chứng từ làm cơ sở thanh toán- Phối hợp với Bên A giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Bố trí lao động, phương tiện thực hiện thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt theo đúng phương án cơ giới hóa công tác thu gom, vận chuyển rác đã được phê duyệt hoặc từ điểm tập kết theo quy định về bãi xử lý.

- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường trong quá trình vận chuyển rác thải sinh hoạt về bãi xử lý.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

- Các bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Đơn giá và giá trị hợp đồng có thể được tăng/giảm khi UBND Thành Phố Hà Nội điều chỉnh, sửa đổi quy định về thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn Hà Nội. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có sự điều chỉnh về khối lượng và đơn giá, bất kỳ sửa đổi, bổ sung đối với hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của hai bên.

- Sau khi hết thời hạn hợp đồng nếu 2 bên không có văn bản gì bổ sung thì hợp đồng tự động gia hạn thêm 01 năm nữa.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký, được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản làm cơ sở để triển khai thực hiện./.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Giáp



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Dũng